

Bộ 68 trắc nghiệm Sử Bài 24 lớp 9: Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 - 1946)

Câu 1. Tại sao nói nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngay sau khi thành lập đã ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”?

- a. Kẻ thù đông và mạnh, nền độc lập, tự do của đất nước bị đe dọa nghiêm trọng
- b. Sự non yếu của chính quyền mới thành lập.
- c. Những di hại do chế độ thực dân, phong kiến để lại trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, tài chính, văn hoá, xã hội.
- d. a, b và c đúng.

Câu 2. Khó khăn nào là nghiêm trọng nhất đối với đất nước sau Cách mạng tháng Tám-1945?

- a. Nạn đói, nạn dốt.
- b. Đế quốc và tay sai ở nước ta còn đông và mạnh.
- c. Những tàn dư của chế độ thực dân phong kiến.
- d. Chính quyền cách mạng mới thành lập còn non trẻ.

Câu 3. Những thuận lợi cơ bản sau tháng Tám 1945 ở nước ta?

- a. Nhân dân lao động đã giành chính quyền làm chủ, tích cực xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.
- b. Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở nhiều nước thuộc địa phụ thuộc.

c. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành, phong trào đấu tranh vì hòa bình dân chủ phát triển.

d. a, b và c đúng.

Câu 4. Để xây dựng một chính quyền nhà nước vững mạnh thì công việc đầu tiên nhân dân ta phải làm là gì?

a. Tham gia bầu cử cơ quan nhà nước ở Trung ương (Quốc hội)

b. Tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã).

c. a và b đúng.

d. a và b sai.

Câu 5. Tham gia bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân là thực hiện quyền gì?

a. Quyền tự do, dân chủ.

b. Quyền làm chủ tập thể.

c. Quyền ứng cử, bầu cử.

d. Quyền làm chủ đất nước.

Câu 6. Một chế độ chính trị vững mạnh phải được xây dựng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự..., thực sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đó là mục đích của:

a. 10 chính sách của Việt Minh nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân.

b. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

- c. Tuyên ngôn Độc lập 2/9/1945.
- d. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I (6/1/1946).

Câu 7. Quốc hội khóa I (6/1/1946) đã bầu được:

- a. 333 đại biểu.
- b. 334 đại biểu,
- c. 335 đại biểu.
- d. 336 đại biểu.

Câu 8. Ngày 2/3/1946 Quốc hội họp phiên đầu tiên đã nêu lên vấn đề gì?

- a. Lập ra bản dự thảo Hiến pháp đầu tiên của nước ta.
- b. Xác nhận thành tích của Chính phủ lâm thời trong những ngày đầu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- c. Thông qua danh sách Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.
- d. a, b và c đúng.

Câu 9. Sự kiện nào trong năm 1945-1946 khẳng định chính quyền dân chủ nhân dân được củng cố, nền móng của chế độ mới được xây dựng?

- a. Tổng tuyển cử trong cả nước 6/1/1946.
- b. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.
- c. Thành lập ủy ban hành chính các cấp.

d. a, b và c đúng.

Câu 10. Thắng lợi của Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946 khẳng định vấn đề gì?

a. Thể hiện tinh thần yêu nước và khối đoàn kết toàn dân.

b. Xây dựng được chế độ mới hợp lòng dân.

c. Đất nước vượt qua khó khăn thử thách.

d. a và b đúng.

Câu 11. Ý nghĩa chính trị của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946 và việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp?

a. Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho quần chúng cách mạng, nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

b. Khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần làm chủ đất nước, giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù đối với chế độ mới.

c. Đưa đất nước thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”

d. a và b đúng.

Câu 12. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng nước ta sau Cách mạng tháng Tám là gì?

a. Giải quyết nạn ngoại xâm và nội phản.

b. Giải quyết về vấn đề tài chính.

c. Giải quyết nạn đói, nạn dốt.

d. Giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

Câu 13. Để đẩy lùi nạn đói, biện pháp nào là quan trọng nhất?

a. Lập hũ gạo tiết kiệm.

b. Tổ chức ngày đồng tâm để có thêm gạo cứu đói.

c. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất.

d. Chia lại ruộng công cho nông dân theo nguyên tắc công bằng và dân chủ.

Câu 14. Câu nào dưới đây là lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết nạn đói:

a. “Không một tấc đất bỏ hoang”.

b. “Tấc đất, tấc vàng”.

c. Tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay! tăng gia sản xuất nữa!”.

d. Tất cả các câu trên.

Câu 15. Biện pháp nào quan trọng nhất để chính quyền cách mạng kịp thời giải quyết khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám?.

a. Động viên lòng nhiệt tình yêu nước và ủng hộ Chính phủ của nhân dân.

b. Chính phủ ký sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam (31/1/1946).

c. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước (23/11/1941).

d. Tiết kiệm chi tiêu.

Câu 16. Chính sách nào do Chính phủ ban hành có thể thực hiện được ngay?

- a. Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày.
- b. Chia lại ruộng đất công theo nguyên tắc công bằng và dân chủ
- c. Ra thông tư giảm tô.
- d. Bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác.

Câu 17. Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ vào ngày tháng năm nào?

- a. 7/3/1945
- b. 8/9/1945
- c. 9/9/1945
- d. 10/9/1945

Câu 18. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào thực hiện “Tuần lễ vàng”, “Quỹ độc lập” nhằm mục đích gì?

- a. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước.
- b. Quyên góp tiền, để xây dựng đất nước.
- c. Quyên góp vàng, bạc để xây dựng đất nước.
- d. Để hỗ trợ việc giải quyết nạn đói.

Câu 19. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam vào ngày tháng năm nào?

- a. 28/1/1946
- b. 29/1/1946
- c. 30/1/1946
- d. 31/1/1946

Câu 20. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước ngày tháng năm nào?

- a. 23/11/1946
- b. 24/11/1946
- c. 25/11/1946
- d. 26/11/1946

Câu 21. Nhân dân ta đã vượt qua được những khó khăn to lớn, củng cố và tăng cường đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Đó là kết quả và ý nghĩa của:

- a. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói sau Cách mạng tháng Tám.
- b. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám.
- c. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết về tài chính sau Cách mạng tháng Tám.
- d. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói, nạn dốt.

Câu 22. Ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính:

- a. Thể hiện được bản chất, tính ưu việt của chế độ mới
- b. Cổ vũ động viên nhân dân ta quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ độc lập tự do vừa giành được
- c. Chuẩn bị về vật chất, tinh thần cho toàn dân tiến tới cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược
- d. a, b và c đúng

Câu 23. Thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ bắt đầu từ ngày tháng năm nào?

- a. 2/9/1945
- b. 6/9/1945
- c. Đêm 22 rạng 23/9/1945
- d. 5/10/1945

Câu 24. Kẻ thù nào dọn đường tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?

- a. Bọn Việt Quốc, Việt Cách.
- b. Đế quốc Anh và quân Nhật còn lại ở Việt Nam.
- c. Các lực lượng phản cách mạng trong nước.

d. Bọn Nhật đang còn tại Việt Nam.

Câu 25. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta mở đầu là cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở đâu?

a. Sài Gòn - Chợ Lớn.

b. Nam Bộ.

c. Trung Bộ.

d. Bến Tre.

Câu 26. Lý do nào là quan trọng nhất để Đảng ta chủ trương khi thì tạm thời hoà hoãn với Tưởng Giới Thạch để chống Pháp, khi thì hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?

a. Tưởng dùng bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách để phá ta từ bên trong.

b. Thực dân Pháp được sự giúp đỡ, hậu thuẫn của quân Anh.

c. Chính quyền của ta còn non trẻ, không thể một lúc chống 2 kẻ thù mạnh.

d. Tưởng có nhiều âm mưu chống phá cách mạng.

Câu 27. Bốn ghế Bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp mà Quốc hội nước ta đã nhường cho phái thân Tưởng đó những bộ nào?

a. Ngoại giao, kinh tế, canh nông, xã hội.

b. Ngoại giao, kinh tế, giáo dục, xã hội.

c. Ngoại giao, giáo dục, canh nông, xã hội.

d. Kinh tế, giáo dục, canh nông, xã hội.

Câu 28. Trước ngày 6/3/1946 Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược gì?

a. Hoà với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ.

b. Hoà với Pháp để đuổi Tưởng ra khỏi Miền Bắc.

c. Hoà với Pháp và Tưởng để chuẩn bị lực lượng.

d. Tập trung lực lượng đánh cả Pháp lẫn Tưởng.

Câu 29. Lý do nào là cơ bản nhất để ta chủ trương hoà hoãn, nhân nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế và chính trị?

a. Ta chưa đủ sức đánh 2 vạn quân Tưởng.

b. Tưởng cò bọng tay sai Việt Quốc, Việt Cách hỗ trợ từ bên trong.

c. Tránh tình trạng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù trong khi ta còn có nhiều khó khăn.

d. Hạn chế việc Pháp và Tưởng cấu kết với nhau.

Câu 30. Tại sao ta chuyển từ chiến lược đánh Pháp sang chiến lược hoà hoãn nhân nhượng Pháp?

a. Vì Pháp được Anh hậu thuẫn.

b. Vì ta tránh tình trạng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.

c. Vì Pháp và Tưởng đã bắt tay cấu kết với nhau chống ta.

d. Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.

Câu 31. Sự kiện nào sau đây là nguyên nhân làm cho Đảng ta thay đổi chiến lược từ hoà hoãn với Tưởng để chống Pháp sang hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?

a. Quốc hội khoá I (2/3/1946) nhường cho Tưởng một số ghế trong Quốc hội.

b. Hiệp ước Hoa - Pháp (28/2/1946).

c. Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp (6/3/1946).

d. Tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946).

Câu 32. Vì sao ta kí với Pháp Hiệp định sơ bộ 6/3/1946?

a. Lực lượng ta còn yếu so với Pháp, tránh đụng độ nhiều kẻ thù một lúc.

b. Để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng về nước.

c. Tranh thủ thời gian hoà hoãn củng cố và phát triển lực lượng cách mạng.

d. a, b và c đúng.

Câu 33. Việc kí Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 chứng tỏ:

a. Sự mềm dẻo của ta trong việc phân hoá kẻ thù.

b. Sự lùi bước tạm thời của ta.

c. Sự thoả hiệp của Đảng ta và chính phủ ta.

d. Sự non yếu trong lãnh đạo của ta.

Câu 34. Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 có lợi thực tế cho ta?

- a. Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do.
- b. Pháp công nhận ta có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.
- c. Chính phủ Việt Nam thoả thuận cho 15000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng.
- d. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

Câu 35. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Pháp) không có kết quả?

- a. Thực dân Pháp âm mưu kéo dài chiến tranh xâm lược nước ta.
- b. Thời gian đàm phán ngắn.
- c. Ta chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao.
- d. Ta không có được sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

ĐÁP ÁN

1.d 2.b 3.d 4.c 5.d 6.d 7.a 8.d 9.d 10.d

11.d 12.d 13.c 14.c 15.a 16.d 17.b 18.a 19.d 20.a

21.d 22.d 23.c 24.b 25.a 26.c 27. a 28.a 29.c 30.c

31.b 32.d 33.a 34.d 35.a

Câu 1: Khó khăn nào là nghiêm trọng nhất đối với đất nước sau Cách mạng tháng Tám-1945?

A. Nạn đói, nạn dốt.

B. Đế quốc và tay sai ở nước ta còn đông và mạnh.

C. Những tàn dư của chế độ thực dân phong kiến.

D. Chính quyền cách mạng mới thành lập còn non trẻ.

Câu 2: Những thuận lợi cơ bản sau tháng Tám 1945 ở nước ta?

A. Nhân dân lao động đã giành chính quyền làm chủ, tích cực xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

B. Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở nhiều nước thuộc địa phụ thuộc.

C. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành, phong trào đấu tranh vì hòa bình dân chủ phát triển.

D. A, B và C đúng.

Câu 3: Tại sao nói nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay sau khi thành lập đã ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”?

A. Kẻ thù đông và mạnh, nền độc lập, tự do của đất nước bị đe dọa nghiêm trọng

B. Sự non yếu của chính quyền mới thành lập.

C. Những di hại do chế độ thực dân, phong kiến để lại trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, tài chính, văn hoá, xã hội.

D. A, B và C đúng.

Câu 4: Để xây dựng một chính quyền nhà nước vững mạnh thì công việc đầu tiên nhân dân ta phải làm là gì?

A. Tham gia bầu cử cơ quan nhà nước ở Trung ương (Quốc hội)

B. Tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã).

C. A và B đúng.

D. A và B sai.

Câu 5: Tham gia bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân là thực hiện quyền gì?

A. Quyền tự do, dân chủ.

B. Quyền làm chủ tập thể.

C. Quyền ứng cử, bầu cử.

D. Quyền làm chủ đất nước.

Câu 6: Một chế độ chính trị vững mạnh phải được xây dựng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự..., thực sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đó là mục đích của

A. 10 chính sách của Việt Minh nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân.

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

C. Tuyên ngôn Độc lập 2/9/1945.

D. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I

Câu 7: Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước ta diễn ra vào ngày tháng năm nào?

A. 5/1/1946.

B. 6/1/1946.

C. 7/1/1946.

D. 8/1/1946.

Câu 8: Quốc hội khóa I (6/1/1946) đã bầu được

A. 333 đại biểu.

B. 334 đại biểu,

C. 335 đại biểu.

D. 336 đại biểu.

Câu 9: Thắng lợi của Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946 khẳng định vấn đề gì?

A. Thể hiện tinh thần yêu nước và khối đoàn kết toàn dân.

B. Xây dựng được chế độ mới hợp lòng dân.

C. Đất nước vượt qua khó khăn thử thách.

D. A và B đúng.

Câu 10: Sự kiện nào trong năm 1945-1946 khẳng định chính quyền dân chủ nhân dân được củng cố, nền móng của chế độ mới được xây dựng?

A. Tổng tuyển cử trong cả nước 6/1/1946.

B. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

C. Thành lập ủy ban hành chính các cấp.

D. A, B và C đúng.

Câu 11: Từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 6/3/1946, đối với quân Trung Hoa Dân quốc, chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thực hiện chủ trương nào?

A. Hòa hoãn, tránh xung đột.

B. Đối đầu trực tiếp về quân sự.

C. Vừa đánh vừa đàm phán.

D. Kiên quyết kháng chiến.

Câu 12: Chính phủ nước VNDCCH ký với chính phủ Pháp bản hiệp ước sơ bộ (6/3/1946) nhằm mục đích gì?

A. Tránh việc cùng lúc phải đương đầu với nhiều kẻ thù.

B. Buộc Pháp phải thừa nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập.

C. Tranh thủ thời gian hòa hoãn với Pháp để tiến hành tổng tuyển cử.

D. Tạo điều kiện thuận lợi để quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật.

Câu 13: Trong văn kiện ngoại giao nào đây, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nhân nhượng đối phương về không gian để có thời gian đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục đi lên?

A. Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam.

B. Hiệp định sơ bộ (6/3/1946).

C. Tạm ước Việt- Pháp (14/9/1946).

D. Hiệp định Giơnevơ năm 1945 về Đông Dương.

Câu 14: Trong những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước VNDCCH đứng trước những khó khăn, thử thách nào?

A. Nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, giặc ngoại xâm và nội phản.

B. Khối đại đoàn kết dân tộc bị chia rẽ sâu sắc, lực lượng chính trị suy yếu.

C. Các đảng phái trong nước câu kết với quân Trung Hoa Dân quốc.

D. Quân Pháp trở lại theo quyết định của hội nghị Pôttxđam.

Câu 15: Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, để giải quyết nạn mù chữ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào nào?

A. Cải cách giáo dục.

B. Bổ túc văn hóa.

C. Bình dân học vụ.

D. Thi đua “Dạy tốt, học tốt”.

Câu 16: Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ vào ngày tháng năm nào?

A. 7/3/1945

B. 8/9/1945

C. 9/9/1945

D. 10/9/1945

Câu 17: Để đẩy lùi nạn đói, biện pháp nào là quan trọng nhất?

A. Lập hũ gạo tiết kiệm.

B. Tổ chức ngày đồng tâm để có thêm gạo cứu đói.

C. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất.

D. Chia lại ruộng công cho nông dân theo nguyên tắc công bằng và dân chủ.

Câu 18: Câu nào dưới đây là lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết nạn đói

A. “Không một tấc đất bỏ hoang”.

B. “Tác đất, tác vàng”.

C. Tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay! tăng gia sản xuất nữa!”.

D. Tất cả các câu trên.

Câu 19: Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam vào ngày tháng năm nào?

A. 28/1/1946

B. 29/1/1946

C. 30/1/1946

D. 31/1/1946

Câu 20: Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước ngày tháng năm nào?

A. 23/11/1946

B. 24/11/1946

C. 25/11/1946

D. 26/11/1946

Câu 21: Thực dân Pháp kí với Chính phủ Trung Hoa Dân quốc Hiệp ước Hoa-Pháp (2/1946) để thực hiện âm mưu gì?

A. Phối hợp với quân Trung Hoa Dân quốc để giải giáp quân đội Nhật.

B. Phối hợp với quân Trung Hoa Dân quốc để xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

C. Ra miền Bắc Việt Nam chia sẻ quyền lợi với quân Trung Hoa Dân quốc.

D. Đưa quân ra miền Bắc để hoàn thành việc xâm lược Việt Nam.

Câu 22: Đêm 22 rạng sáng 23/9/1945, thực dân Pháp đã mở màn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai bằng cuộc tấn công vào địa điểm nào?

A. Ủy ban Nhân dân Nam Bộ và Tự vệ thành phố Sài Gòn.

B. Bắc Bộ phủ và Ủy ban Nhân dân Nam Bộ.

C. Tự vệ thành phố Sài Gòn và Bắc Bộ phủ.

D. Sân bay Tân Sơn Nhất và Ủy ban Nhân dân Nam Bộ.

Câu 23: Ngày 2/3/1946 Quốc hội họp phiên đầu tiên đã nêu lên vấn đề gì?

- A. Lập ra bản dự thảo Hiến pháp đầu tiên của nước ta.
- B. Xác nhận thành tích của Chính phủ lâm thời trong những ngày đầu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- C. Thông qua danh sách Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.
- D. A, B và C đúng.**

Câu 24: Từ ngày 6/3/1946 đến trước ngày 19/12/1956, Chính phủ nước VNDCCH nhân nhượng cho thực dân Pháp một số quyền lợi với nguyên tắc cao nhất là

- A. Đảm bảo an ninh quốc gia.
- B. Đảm bảo sự phát triển lực lượng chính trị.
- C. Giữ vững chủ quyền dân tộc.**
- D. Đảng Cộng sản được hoạt động công khai.

Câu 25: Thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ bắt đầu từ ngày tháng năm nào?

A. 2/9/1945

B. 6/9/1945

C. Đêm 22 rạng 23/9/1945

D. 5/10/1945

Câu 26: Kẻ thù nào dọn đường tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?

A. Bọn Việt Quốc, Việt Cách.

B. Đế quốc Anh và quân Nhật còn lại ở Việt Nam.

C. Các lực lượng phản cách mạng trong nước.

D. Bọn Nhật đang còn tại Việt Nam.

Câu 27: Trước ngày 6/3/1946 Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược gì?

A. Hòa với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ.

B. Hòa với Pháp để đuổi Tưởng ra khỏi miền Bắc.

C. Hòa với Pháp và Tưởng để chuẩn bị lực lượng.

D. Tập trung lực lượng đánh cả Pháp lẫn Tưởng.

Câu 28: Tại sao ta chuyển từ chiến lược đánh Pháp sang chiến lược hòa hoãn nhân nhượng Pháp?

A. Vì Pháp được Anh hậu thuẫn.

B. Vì ta tránh tình trạng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.

C. Vì Pháp và Tưởng đã bắt tay cấu kết với nhau chống ta.

D. Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.

Câu 29: Lý do nào là cơ bản nhất để ta chủ trương hòa hoãn, nhân nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế và chính trị?

A. Ta chưa đủ sức đánh 2 vạn quân Tưởng.

B. Tưởng có bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách hỗ trợ từ bên trong.

C. Tránh trình trạng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù trong khi ta còn có nhiều khó khăn.

D. Hạn chế việc Pháp và Tưởng cấu kết với nhau.

Câu 30: Bốn ghế Bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp mà Quốc hội nước ta đã nhường cho phái thân Tưởng đó những bộ nào?

A. Ngoại giao, kinh tế, canh nông, xã hội.

B. Ngoại giao, kinh tế, giáo dục, xã hội.

C. Ngoại giao, giáo dục, canh nông, xã hội.

D. Kinh tế, giáo dục, canh nông, xã hội.

Câu 31: Vì sao ta kí với Pháp Hiệp định sơ bộ 6/3/1946?

A. Lực lượng ta còn yếu so với Pháp, tránh đụng độ nhiều kẻ thù một lúc.

B. Để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng về nước.

C. Tranh thủ thời gian hòa hoãn củng cố và phát triển lực lượng cách mạng.

D. A, B và C đúng.

Câu 32: Việc kí Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 chứng tỏ

A. Sự mềm dẻo của ta trong việc phân hóa kẻ thù.

B. Sự lùi bước tạm thời của ta.

C. Sự thỏa hiệp của Đảng ta và chính phủ ta.

D. Sự non yếu trong lãnh đạo của ta.

Câu 33: Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 có lợi thực tế cho ta?

A. Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do.

B. Pháp công nhận ta có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng.

D. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

Đáp án bộ 68 bài tập trắc nghiệm Lịch sử 9 Bài 24: Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 - 1946)

►► **CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải về **Đáp án bộ 68 bài tập trắc nghiệm Lịch sử 9 Bài 24: Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 - 1946) file PDF** hoàn toàn miễn phí.